TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** TỈNH N	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 19 /2024/QĐST- HNGĐ	*N, ngày 23 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2024 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi chung giữa:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị Mai P, sinh năm 1999.

Nơi ĐKHKTT: số nhà 25, đường Vũ Duy Thanh, phố Trại Lộc, phường Nam Bình, thành phố N, tỉnh N.

Trú tại: số nhà 36, đường T, phố A, phường N, thành phố N, tỉnh N..

- Bị đơn: anh Phạm Trọng N, sinh năm 1995.

Trú tại: số nhà 25, đường V, phố T, phường N thành phố N, tỉnh N.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Mai P và anh Phạm Trọng N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: chị Lê Thị Mai P và anh Phạm Trọng N có 01 con chung là cháu Phạm Lê Thị Kim N, sinh ngày 28/02/2019. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu Phạm Lê Kim N cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu N đến

khi cháu đủ 18 tuổi. Về phần cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự giải quyết. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, khi cần thiết được quyền xin thay đổi nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: chị Lê Thị Mai P và anh Phạm Trọng N đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không đề nghị Tòa giải quyết.

- Về án phí: chị Lê Thị Mai P và anh Phạm Trọng N thống nhất thỏa thuận chị P nộp toàn bộ án phí ly hôn . Số tiền án phí chị P phải nộp là 150.000đồng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/23 số 0000226ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.Chị P được hoàn trả lại 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB (1).*
- *VKSND TP. N (3).*
- *CCTHADS TP. N (1).*
- *UBND phường, xã.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

Thẩm phán

(đã ký)

Nguyễn Thị Bích T